

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 18/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Hòa;

Ông Phạm Huy Cầm;

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST- HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo:

Lường Văn D- sinh ngày 12/2/1986 tại huyện B, Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn Tvà bà Phạm Thị H; có vợ là Tần Thị Thanh Hg và không có con; Tiền án: 01. Tại bản án số 65/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 bộ luật Hình sự năm 1999 (bản án này đã tính tái phạm); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/12/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/10/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” , đến nay tất cả các bản án trên đều đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2017. Hiện bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lê Đức D – Địa chỉ: Tổ 19A, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quốc S là: Chị Dương Thị T– Địa chỉ: Tổ 35, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17h00 ngày 02/12/2017 bị cáo Lương Văn D đi lang thang một mình tại khu vực Kim Tân, thành phố Lào Cai thì gặp thanh niên tên H (chưa rõ căn cước, lai lịch) đi xe máy nhãn hiệu Honda. Do không có tiền tiêu sài nên bị cáo D rủ H đi trộm cắp. Khoảng 18h 30 phút cùng ngày Hòa điều khiển xe máy chở D ngồi phía sau đi xe máy đến khu vực đường N, tổ 19A, phường D, thành phố Lào Cai thì phát hiện chiếc xe điện máy đen nhãn hiệu NINJA của anh Lê Đức D. Hòa điều khiển xe máy đến đoạn cách chiếc xe điện khoảng 10m thì dừng xe. Sau đó Lương Văn D xuống xe đi lại gần chiếc xe dùng chân gạt chân chống, dắt xe xuống đường. Lương Văn D ngồi lên xe đạp điện còn Hòa đi xe máy đẩy phía sau. Cả hai mang xe đạp điện đến cửa hàng cầm đồ của Nguyễn Quốc S (tổ 35, phường C, thành phố L) để cầm cố được số tiền 1.000.000đ và để lại cửa hàng 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lương Văn D. D cầm 500.000đ và chia cho Hòa 500.000đ. Sau đó H đưa D sang khu vực đường M, phường P, thành phố L và Hòa bỏ đi đâu không rõ. Còn bị cáo D đang đi lang thang thì bị công an phường Phố Mới kiểm tra hành chính và mời về trụ sở làm việc. Tại đây bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 14/12/2017, Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai kết luận: 01 (một) chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NINJA màu đen, không có biển số, đã qua sử dụng trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng)

Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 12/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Lương Văn D tội "trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội "trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; điểm g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lương Văn D.

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy cầm cố xe.

Truy thu số tiền 1.000.000đ của bị cáo Lương Văn D để sung quỹ Nhà nước.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn D: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ và kết luận giám định. Khoảng 18 giờ30 phút ngày 02/12/2017 bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu NINJA của anh Lê Đức D, địa chỉ tổ 19A, phường D, thành phố L. Từ các phân tích trên và lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lương Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” Tội phạm được quy định tại điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, qua đó răn đe, phòng ngừa những hành vi tương tự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, người bị hại đã được nhận lại tài sản, nên cần áp dụng điểm g, p khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 65/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Bản án này đã tính tái phạm đối với bị cáo và đến nay chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt. Ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu, ngày 17/12/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/10/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến nay tất cả các bản án trên đều đã được xóa án tích

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lương Văn D, xét thấy đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 giấy cầm cố xe, xét thấy giấy tờ không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), xét thấy đây là số tiền do bị cáo cầm cố chiếc xe điện tại cửa hàng của anh Nguyễn Quốc S, mặc dù anh S không có yêu cầu gì đối với số tiền này, nhưng đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, cần truy thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7] Đối với người bị hại anh Lê Đức D, anh D đã được nhận lại tài sản bị mất và không có ý kiến gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với nam thanh niên tên Hòa cùng Lương Văn D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, và chiếc xe máy Dream sử dụng để trộm cắp tài sản, do không xác định được cụ thể căn cước lai lịch đối tượng và đặc điểm xe máy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai chưa xác minh làm rõ được, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý theo quy định, xét thấy là phù hợp.

[9] Đối với anh Nguyễn Quốc S là người trực tiếp cho Lương Văn D cầm cố xe đạp điện trộm cắp được quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Quốc S không biết chiếc xe đạp điện trên là tài sản do phạm tội mà có do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý, xét thấy phù hợp. Đến nay, anh Nguyễn Quốc S ủy quyền cho vợ là Dương Thị T thay mặt tham gia tố tụng, Tại phiên tòa chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) do anh Nguyễn Quốc S cho bị cáo cầm cố, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46 bộ luật hình sự năm 1999. Tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Văn D 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, tạm giữ bị cáo 23/12/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự 1999; **điểm b, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.**

Trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân số 063210396 mang tên Lương Văn D, 01 giấy phép lái xe số 100157001621 mang tên Lương Văn D.

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy cầm cố xe ghi ngày 02/12/2017 tại cửa hàng dịch vụ cầm đồ 235.

Truy thu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) của bị cáo Lương Văn D để sung quỹ Nhà nước.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lương Văn D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSTP;
- Công an TP 3;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- T.H.A 2;
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lan Phương